



TÁC PHẨM VĂN HỌC ĐƯỢC GIẢI THƯỞNG NHÀ NƯỚC

NGUYỄN CHÍ TRUNG

Bức thư làng Mực

TRUYỆN VÀ KÝ



NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

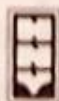
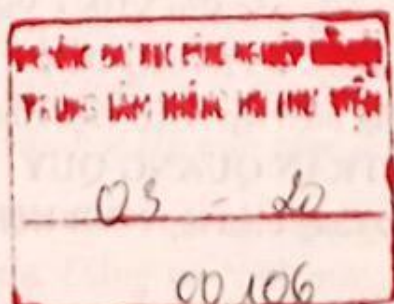


TÁC PHẨM VĂN HỌC ĐƯỢC GIẢI THƯỞNG NHÀ NƯỚC

NGUYỄN CHÍ TRUNG

Bức thư làng Mực

TRUYỆN VÀ KÝ



NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Nền văn học cách mạng Việt Nam được Bác Hồ đặt nền móng từ những năm đầu thế kỷ 20 và có bước phát triển rực rỡ từ sau Cách mạng tháng 8/1945, đặc biệt là trong sự nghiệp giải phóng dân tộc và xây dựng lại đất nước sau chiến tranh. Đó là thành tựu to lớn và phong phú cả về nội dung, tư tưởng, nghệ thuật và đội ngũ sáng tác. Những tác phẩm văn học kết tinh tài năng, tâm huyết của nhiều thế hệ nhà văn đã đi vào ký ức hàng triệu người Việt Nam, góp phần nuôi dưỡng vẻ đẹp tâm hồn và nhân cách con người Việt Nam, làm giàu có thêm những giá trị văn hóa Việt Nam mà ông cha ta đã dày công xây dựng. Tập đại thành văn học cách mạng và kháng chiến là bức tượng đài kỳ vĩ ghi lại diện mạo đất nước và con người Việt Nam về một thời kỳ vĩ đại của dân tộc, đưa tiến trình hiện đại hóa văn học lên một tầm cao mới.

Nhằm tôn vinh những đóng góp to lớn vào nền văn học cách mạng, Đảng và Nhà nước quyết định trao tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh và Giải thưởng Nhà nước cho các tác phẩm văn học xuất sắc. Tiếp theo bộ sách văn học được Giải thưởng Hồ Chí Minh do Nhà xuất bản Văn Học xuất bản, Nhà nước đã quyết định giao cho Hội Nhà Văn Việt Nam và Nhà xuất bản Hội Nhà Văn thực hiện dự án "Công bố và phổ biến các tác phẩm văn học được Giải thưởng Nhà nước" (giai đoạn thực hiện 2014 - 2015).

Việc Nhà nước đầu tư xuất bản bộ sách lớn này không chỉ động viên, khích lệ các nhà văn tiếp tục lao động sáng tạo mà còn là công trình thực hiện Nghị quyết 9, Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI: "Xây dựng văn hóa, con người Việt Nam, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của đất nước". Với ý nghĩa ấy, tác phẩm của mỗi tác giả được trân trọng in riêng, tôn trọng tính lịch sử, tính nguyên bản và thống nhất về quy cách, chất lượng, thẩm mỹ... theo tiêu chí của Chính phủ.

Với lòng trân trọng và ý thức trách nhiệm cao, tập thể cán bộ, biên tập viên Nhà xuất bản đã hoàn thành bộ sách quý với sự cố gắng cao nhất. Bộ sách gồm những tác phẩm của 121 tác giả được trao Giải thưởng Nhà nước qua ba đợt, năm 2001, năm 2007 và năm 2012.

Nhà xuất bản Hội Nhà Văn chân thành cảm ơn sự quan tâm và tạo điều kiện của các cơ quan chức năng của Chính phủ, Liên hiệp các hội văn học nghệ thuật Việt Nam, Ban chấp hành Hội Nhà Văn Việt Nam giúp đỡ chúng tôi thực hiện dự án quan trọng này.

Xin trân trọng giới thiệu bộ sách đến bạn đọc trong và ngoài nước.

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN



Nhà văn

NGUYỄN CHÍ TRUNG

TIỂU SỬ

Thiếu tướng, nhà văn Nguyễn Chí Trung sinh ngày 15 tháng 2 năm 1930, tại Hòa Phước, Hòa Vang, Quảng Nam. Nhập ngũ đầu năm 1946, làm nhiệm vụ ở Liên khu 5 và Ủy ban kháng chiến miền Nam. Sau ngày giải phóng thống nhất đất nước 1975, ông có sáng kiến tập hợp một số tác giả ở chiến trường, tổ chức thành trại sáng tác dài hạn (3 năm). Trong chiến tranh biên giới Tây Nam, ông làm phái viên chiến đấu ở chiến trường Campuchia, Phó chủ nhiệm chính trị đại diện Bộ Quốc phòng hướng Tây Nam. Sau đó ông về tạp chí Văn nghệ Quân đội làm Phó tổng biên tập, rồi được cử làm trợ lý Tổng bí thư Đảng cộng sản Việt Nam...

TÁC PHẨM:

Đà Nẵng (Bút ký, 1950), *Bức thư làng Mực* (Truyện ngắn, 1969), *Hương cau* (Truyện ngắn, 1975), *Khi dòng sông ra đến cửa* (Truyện ngắn, 1981), *Tiếng khóc của nàng Út* (Tiểu thuyết, 2007).

GIẢI THƯỞNG:

Giải thưởng Hội Nhà văn Việt Nam năm 2008, Giải thưởng văn học Asean năm 2011 với tác phẩm *Tiếng khóc của nàng Út*; Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật năm 2012.

VÙNG ĐẤT SINH RA TÔI

Người viết văn chọn nơi nào mà đến? Hê-ming-wê nói rằng: ông đến nơi nào mà đời đòi ông đến.

Còn tôi, trong những năm tháng mới cầm bút, khi về Đất Quảng, nào tôi đã hiểu cuộc đời là thế nào, bởi vậy tôi chưa hề có ý định lý giải cuộc đời. Tôi chỉ biết ở hướng ấy, cái chiến trường phía bắc Liên khu, những đoàn quân đang kéo tới, buổi chiều ngồi dọc ven làng, chờ đến khi nắng ngả sau ngọn núi Chúa, thời điểm cho phép mọi người ồn ào bỏ lá ngụy trang, họ sang sông, không vội vàng. Rồi họ vượt dốc Giảm Thọ, ùn ùn đến tập kết ở một vùng núi giáp ranh đồng bằng: Phú Túc. Lính chủ lực mặc áo quần vải xi-ta màu xám, lưng lẳng trên thắt lưng ống lương khô bằng tre chuốt bóng, tập hợp hai bên bờ suối lớn. Ở đó, người ta làm lễ ra quân rồi bước vào chiến dịch.

Chiến dịch là gì? Ngày hôm nay cái từ ấy nghe quen, dùng quen đến nỗi cả trong trừ sâu diệt chuột và truy quét bọn đầu cơ buôn lậu người ta cũng viện đến, chứ hồi đó,

mấy năm thời chống Pháp thì mới mẻ quá chừng. Trong đầu óc trẻ thơ của tôi, nó có nghĩa: thế là từ nay không còn là mấy trận đánh lẻ tẻ một vài đại đội, không chỉ là những bước chân âm thầm, lén lút, nơm nớp sợ vây sợ quét, không phải thức nhau dậy từ khuya, ba lô súng đạn gọn gàng lên chuyển qua một căn cứ khác...

Đông xuân đã đến kia rồi

Súng ơi là súng có bồi hồi không?⁽¹⁾

Chiến dịch, đó là sự bồi hồi bồi hồi ấy, xao động và nao lòng. Một lá cờ đỏ sẽ cắm vào giữa đồn Pháp, một đoàn xe địch cứu viện bốc cháy, những sóng người thành thịch, lá ngụy trang rung và rớt dọc đường xung phong và chính mình nữa trong đội hình lớn mạnh bỗng gan dạ khác thường, lao lên, rút cuộn dây thừng trói gô một thằng Lê Dương Pháp.

Chiến dịch là gì nữa? Đó là một vùng nhân dân được giải phóng ngay ở đồng bằng, ôi chao, tha hồ mà được các mẹ, các chị chiêu nuôi, sửa soạn cho cơm nước, một đốt mía, một tảng đường đen, một liếp thuốc rê, một nồi cháo khuya nghi ngút khói bên ánh đèn dầu ấm và rất vui.

1. Ca dao chiến sĩ (Bích báo Đại đội 213, Tiểu đoàn 19, Trung đoàn 108, nay là Đại đội 3, Tiểu đoàn 3, Trung đoàn Ba Già, Sư đoàn bộ binh 2)

Người lính như tôi chạy theo mọi người vào chiến dịch, hầu như không có nỗi buồn. Chỉ có niềm vui với các dự đoán về những chiến công. Và bao trùm lên mọi niềm vui, những dự đoán ấy là sự ngạc nhiên đến hàng ngày và mỗi ngày mỗi mới. Ờ lạ nhỉ, trong vùng tạm chiếm ác liệt này chìm đắm và sâu thẳm đêm nay, làng vẫn thức. Những bóng người, nhiều hơn hết vẫn là các mẹ, các chị, từng tốp đứng dọc theo đường nắm tay chúng tôi, sờ vai chúng tôi, ghé sát nhìn mặt chúng tôi, phả vào mắt, vào trán, vào mũi, vào thân thể chúng tôi một hơi ấm nồng nàn như hơi ấm của rơm và thì thầm. Theo dấu lộ tiêu rải bằng bẹ chuối trắng toát - mấy anh chàng lính thông tin trung đoàn mới chặt chuối ngay trong làng đó thôi - chúng tôi kéo quân về sát đường số 1. Ờ lạ nhỉ, cả hàng ngàn con người như thế này, súng ống dây nhợ linh kinh, vẫn có thể nằm sát con đường nhựa lớn nhất Đông Dương này hai trăm thước, ba trăm thước, ban ngày nghe rất rõ tiếng ì ầm của những chuyến xe qua và ban đêm, nghe không sót một đợt mō cầm canh nào của đám lính đồn Tứ Câu. Ờ lạ nhỉ, khi đêm đến, mặt đất lao xao, lặng lẽ và tấp nập, im lìm và náo nức, những tốp người mang cơm, chuyển đạn, rải dây, dẫn đường, bắc cầu, đào thêm hầm hào, canh gác, dẫn trình sát vào đồn, nhận báo, nhận tin từ trên xa về và đón tin mật từ dưới thành phố lên. Những người lính trẻ chúng tôi đứng đưa trong chiếc nôi lớn: *Nhân Dân*.

Và chúng tôi xuất kích. Kèn trận vang lên. Hối đó xung phong là có kèn. Nhưng bỗng chốc tiếng kèn trận của trung đoàn chìm trong tiếng mõ, tiếng trống của dân. Mặt đất, mặt ruộng, mặt đường, các đám thổ pha cát lô nhô những vồng lang, tất cả, gì mà kỳ lạ vậy. Nó mát rượi, nó mênh mông, dưới đôi chân trần của chúng tôi nó nháy nhót. Chúng tôi chưa biết khóc ngày thắng trận. Chúng tôi cũng chưa biết hò reo thật lớn. Trên nét mặt người lính chỉ hực hờ một niềm hân hoan ấu thơ, hầu như ngơ ngác. Trận đấu của chiến dịch nổ ra trên đoạn đường số 1 ấy ở quãng cây số 875. Đó là một trận đánh giao thông diệt gọn 1 đại đội com-măng-đô. Gần Vĩnh Điện lắm. Gần Đà Nẵng lắm, ngay giữa khúc ruột của đồng bằng Điện Bàn. Dịch đưa quân cứu viện. Pháo bắn, tất nhiên mật độ pháo không cao bằng hồi chống Mỹ. Máy bay lao đến, bốn chiếc. Chúng tôi lui quân, qua cánh đồng La Thọ, qua sông Bàu Sấu. Ở lại chưa! Khói từ hàng ngàn đồng rác bỗng bốc lên tỏa mờ cả không gian và che khuất chúng tôi.

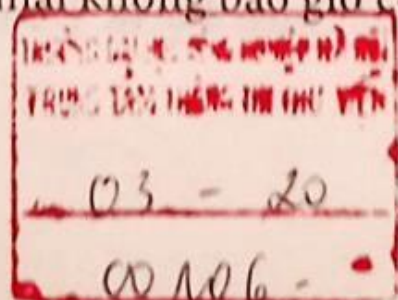
Vậy đấy, *Nhân Dân*. Những trang viết đầu tiên của tôi là viết về Nhân Dân, người lính và nhân dân ở vùng Đất Quảng này⁽²⁾.

Sau ngày giải phóng 1975, chúng tôi đi làm công tác liệt sĩ.

1. Kết thúc chiến dịch Đông Xuân 1950, Văn nghệ Liên khu 5 in tập ký Đà Nẵng gồm các bài ký của Nguyễn Văn Bổng, Thái Nguyên (bút danh của Nguyễn Chí Trung thời chống Pháp) và Lưu Nghi.

Từ những ngày chiến tranh, tôi đã biết các bạn tôi hy sinh nơi nào, ngày nào, ai lấy được xác, ai bị bom và mìn vùi lấp tìm không ra, ai bị kẻ thù tàn bạo cột thân thể đằng sau xe kéo lê trên đường 100 từ Điện Hồng về Vĩnh Điện. Tôi đã được đồng chí, đồng bào kể lại những giờ phút cuối cùng họ giáp mặt với địch như thế nào. Ngày ấy, ở rừng đêm thường rất sâu. Qua những tán lá đen lóng lánh, trời cao và ướt thẫm. Sau buổi lễ tưởng nhớ giản đơn, chúng tôi ngồi bên lửa. Cái mất mát trong chiến tranh là đương nhiên dù sao cũng không tránh khỏi. Biết thế, nhưng vẫn cứ ngỡ ngợ: sao mà những tin đau ấy đến đột ngột quá, đau đớn quá, tức tối quá.

Các đồng chí hy sinh, công việc mỗi người thế là dang dở. Dương Thị Xuân Quý và Chu Cẩm Phong mới có mấy truyện ngắn và một tập ký vội vàng. Nguyễn Hồng vừa được kết nạp vào Đảng, cho đến ngày hy sinh tại hố bắn, chỉ để lại một *Đêm cao điểm*. Nguyễn Mỹ sau *Cuộc chia ly màu đỏ*, tập thơ dày về tình yêu và cuộc chiến đấu ở thời kỳ sau Xuân Mậu Thân chưa có thì giờ xóc lại. Ai đó nói rất đúng rằng tài năng nghệ thuật là một cái gì đơn nhất. Người sáng tác văn học mất đi là mất chính họ, buồn vui và khát vọng của một tâm hồn đơn nhất mà cuộc sống đã gieo lên đầy những hạt giống, nảy mầm theo một dáng riêng chỉ riêng họ, mãi mãi không bao giờ có lại.



Mục lục

	Trang
- Lời nhà xuất bản	7
- Tiểu sử	11
- Vùng đất sinh ra tôi	13
- Ngọn gió chuyên cần và phóng túng	34
- Bức thư làng Mực	50
- Hương cau	90
- Đào	113
- Trận địa giữa làng ven	141
- Biển	163
- Làng Quế	189
- Tình yêu của núi	215
- Khi dòng sông ra đến cửa	241
- Mùa gụ ra hoa	268
- Mùa khô này có một dòng nước trong	289
- Tôi yêu nàng, nàng Lương	310

- Hội đua thuyền ở Pnôm Pênh	315
- Đoàn Khuê và mẹ	320
- Nguyễn Chơn	335
- Lá cỏ, đời xanh như thể chẳng vì ai	349
- Nàng là ai?	375
- Liên khu 5 yêu dấu!	399
- Chuyện hai người đàn ông cô đơn	417
- Đêm đã khuya	439
- Xương trắng màu vôi	457
- Chuyện Mậu Thân ở Huế	489
- Nỗi đau số phận, nỗi đau đời	508
- Con mắt tình ái của nhân loại	512